

Số: 04 /QĐ-TCKH

Tây Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách Quý I năm 2025 của huyện Tây Hòa

**TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH HUYỆN**

Căn cứ các Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Thực hiện Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Tây Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2025 của huyện Tây Hòa (chi tiết kèm theo các biểu mẫu).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Phòng Giao dịch số 4 – Kho bạc Nhà nước khu vực XIII và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh Phú Yên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử UBND huyện;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**



Biểu số 93/CK-NSNN

### CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-TCKH ngày 14/4/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tây Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện Quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=2/1</b>	<b>4</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>210.000,0</b>	<b>58.501,1</b>	<b>27,9</b>	<b>40,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>210.000,0</b>	<b>58.501,1</b>	<b>27,9</b>	<b>40,1</b>
1	Thu nội địa	210.000,0	58.501,1	27,9	66,3
2	Thu viện trợ				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>789.353,0</b>	<b>210.395,1</b>	<b>26,7</b>	<b>111,0</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>789.353,0</b>	<b>210.395,1</b>	<b>26,7</b>	<b>218,1</b>
1	Chi đầu tư phát triển	154.507,0	59.311,7	38,4	104,3
2	Chi thường xuyên	625.203,0	151.083,4	24,2	113,8
3	Dự phòng chi	9.643,0		0,0	0,0



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-TCKH ngày 14/04/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tây Hòa)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện Quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>210.000,0</b>	<b>58.501,1</b>	<b>27,9</b>	<b>40,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>210.000,0</b>	<b>58.501,1</b>	<b>27,9</b>	<b>40,1</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước địa phương	300,0	83,0	27,7	66,3
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước Trung ương		1,7		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	40.700,0	9.338,2	22,9	225,8
4	Thuế thu nhập cá nhân	7.000,0	1.912,2	27,3	113,1
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	13.000,0	3.634,6	28,0	82,4
7	Thu phí, lệ phí	8.000,0	1.937,8	24,2	410,6
8	Các khoản thu về nhà, đất	115.000,0	33.987,1	29,6	29,5
8.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
8.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0,5		3,3
8.3	Thu tiền sử dụng đất	114.000,0	33.949,3	29,8	29,6
8.4	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.000,0	37,3	3,7	16,1
8.5	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	7.000,0	1.184,6	16,9	36,7
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.500,0	2.253,7	18,0	46,2
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.500,0	4.168,2	64,1	35,1
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>201.250,0</b>	<b>58.501,1</b>		
1	Từ các khoản thu phân chia	35.200,0	7.875,3	22,4	405,6
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	166.050,0	50.625,8	30,5	35,2



Biểu số 95/CK-NSNN

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-TCKH ngày 14/04/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tây Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện Quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>789.353,0</b>	<b>210.395,1</b>	<b>26,7</b>	<b>111,0</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>789.353,0</b>	<b>210.395,1</b>	<b>62,6</b>	<b>218,1</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>154.507,0</b>	<b>59.311,7</b>	<b>38,4</b>	<b>104,3</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	154.507,0	59.311,7	38,4	104,3
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>625.203,0</b>	<b>151.083,4</b>	<b>24,2</b>	<b>113,8</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	301.230,0	69.176,3	23,0	109,1
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	8.466,0	8.598,7		650,6
4	Chi văn hóa - thông tin	2.720,0	787,1	28,9	22,8
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.668,0	342,0	20,5	45,8
6	Chi thể dục - thể thao	843,0	265,6	31,5	92,2
7	Chi bảo vệ môi trường	6.897,0	1.137,3	16,5	65,7
8	Chi hoạt động kinh tế	67.008,0	8.355,6	12,5	69,3
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	116.907,0	37.013,8	31,7	126,3
10	Chi đảm bảo xã hội	97.183,0	20.910,3	21,5	148,2
<b>III</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>9.643,0</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				